

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161 /2021/DS-ST

Ngày 16 - 12 - 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Hồ Quang Minh

Bà: Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2021/QĐXXST-DS ngày 8 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Sáng T (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị T tại phiên toà, thể hiện: Vào ngày 15.03.2014, tôi có cho ông Trịnh Sáng T vay số tiền là 170.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, khi vay ông T có làm biên nhận chữa ký và chữ viết của ông T, quá trình vay ông T chưa trả tiền gốc và lãi. Nay tôi yêu cầu ông Trịnh Sáng T trả cho tôi tiền gốc là 170.000.000 đồng, và yêu cầu trả lãi từ khi vay đến nay mỗi tháng là $01\% \times 84 \text{ tháng} = 142.800.000$ đồng.

Bị đơn ông Trịnh Sáng T trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 16.5.2014 ông có vay của bà Lê Thị T số tiền là 170.000.000 đồng để mua ngư lưới cụ, lãi suất 8%/tháng ông đã đóng lãi được 1 năm (khi đóng lãi không có làm giấy), do lãi cao nên không có đóng lãi tiếp, hiện nay chưa trả tiền gốc cho bà T. Khi vay ông có đưa giấy tờ nhà để thế chấp cho bà T.

Cũng vào ngày 16.5.2014 ông có mua chiếc ghe đánh bắt thủy sản của bà T, giá 360.000.000 đồng, ghe hoạt động đến tháng 7.2015 thì không còn vốn để hoạt động nên ông có hùn với ông Huỳnh Văn Minh ở khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, trong lúc ông đi biển không có nhà bà T đã ký giấy chuyển nhượng ghe này cho ông Huỳnh Văn Minh mà không có ý kiến của ông, do bà T bán ghe của ông nên ông không có tiền trả cho bà T. Nay ông thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc nhưng khi nào có mới trả, còn phần lãi không đồng ý. Yêu cầu bà T trả lại chiếc ghe cho ông.

Tại biên bản làm việc với ông Huỳnh Văn Minh trình bày: Ban đầu bà T có bán chiếc ghe cho ông Trịnh Sáng T, sau đó ông T có hùn với tôi để đi đánh bắt thủy sản, năm 2015 bị sự cố ngoài biển, ông T không có tiền chuộc nên tôi có bỏ ra 380.000.000 đồng để chuộc ghe về, lúc này ông T thiếu tiền bà T (tiền gì không biết) nhưng giáp mặt 3 người gồm: Minh, T, T thống nhất với nhau tôi đưa cho bà T 130.000.000 đồng bà T đồng ý ký tên sang ghe cho tôi.

Tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất theo bị đơn trình bày ngày vay tiền là ngày 16.5.2014 và đồng ý rút lại 2 tháng tiền lãi chỉ yêu cầu 82 tháng tiền lãi x 1% x 170.000.000 đồng = 139.400.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn thừa nhận năm 2014 có bán cho ông T chiếc ghe biển, ông T còn nợ tôi 130.000.000 đồng, năm 2015 ông T có hùn làm ghe với ông Minh (ghe của tôi bán cho T), do ông T và ông Minh đi làm trên biển bị bắt và ông Minh đã bỏ tiền ra chuộc ông T không có tiền trả cho ông Minh, nên ông T giao ghe chiếc ghe cho ông Minh trong thời hạn 5 năm thì trả lại cho ông T, lúc này Tôi cùng T và Minh, có thỏa thuận với nhau, ông Minh trả cho tôi 130.000.000 đồng (tiền ông T thiếu tiền ghe), nên tôi đồng ý ký tên cho ông Minh để ghe ra biển hoạt động (ghe hiện tại ông T đã lấy về và bán cho người khác).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thờ phát biểu, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo trình tự quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn mở phiên tòa nhưng xét thấy đây là thời gian thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid - 19, nên Viện kiểm sát không kiến nghị.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn chưa thực hiện đúng theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 139.400.000 đồng là phù hợp với Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Đối với bị đơn đặt ra yêu cầu nguyên đơn trả lại chiếc ghe biển, xét thấy không liên quan trong vụ án nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Từ nội dung trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền Tòa án:* Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn làm đơn khởi kiện bị đơn về việc hợp đồng vay tài sản, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quyền khởi kiện:* Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn, bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về trình tự thủ tục:* Tòa án đã triệu tập họp lệ 2 lần đối với bị đơn để xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt (bị đơn từ chối nhận giấy triệu tập), nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về điều luật áp dụng:* Việc giao dịch này trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng xét thấy việc giao dịch có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Lê Thị T khởi kiện ông Trịnh Sáng T về việc vay tiền chưa trả, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[6] *Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ:*

Vào ngày 16.05.2014 bà Lê Thị T có cho ông Trịnh Sáng T vay số tiền là 170.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, quá trình vay không đóng lãi. Nay bà T yêu cầu ông T trả vốn gốc là 170.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 15.3.2014 cho đến ngày khởi kiện là 7 năm = 82 tháng x 01%/1tháng = 139.400.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi bà T yêu cầu ông T phải trả là 309.400.000 đồng. Đối với bị đơn ông T cũng thừa nhận vào ngày 16.5.2014 ông có vay của bà T 170.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng, quá trình vay ông có đóng lãi được 01 năm thì ngưng không đóng lãi, việc đóng lãi không có gì làm chứng cứ. Nay ông đồng ý trả tiền vốn gốc ban đầu là 170.000.000 đồng nhưng khi nào có tiền thì trả; không đồng ý trả lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn bà Lê Thị T có cho bị đơn Trịnh Sáng T vay số tiền 170.000.000 đồng là có thật bởi các bên điều thừa nhận. Đối với nguyên đơn xác định cho vay vào ngày 15.3.2014, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn cũng đồng ý tính từ ngày 16.5.2014, lãi suất theo thỏa thuận, quá trình vay bị đơn không đóng lãi. Đối với bị đơn cũng xác định vào 16.5.2014 vay của bà T số tiền 170.000.000 đồng, lãi 8%/ tháng và có đóng lãi được 1 năm. Xét thấy các bên thống nhất vào ngày 16.5.2014 bà T có cho ông T vay số tiền là 170.000.000 đồng đến nay bị đơn chưa trả số tiền gốc cho nguyên đơn là có căn cứ, bởi nguyên đơn

và bị đơn điều thừa nhận, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 170.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn cho rằng có đóng lãi mỗi tháng là 8% và đóng được 1 năm thì ngưng nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh, do đó xác định từ khi vay đến nay bị đơn chưa đóng lãi cho nguyên đơn là đúng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn phần lãi từ khi vay đến nay là 82 tháng mỗi tháng là $01\% \times 170.000.000 \text{ đồng} = 139.400.000 \text{ đồng}$ là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với việc đặc ra của bị đơn cho rằng vào năm 2014 nguyên đơn có bán chiếc ghe biển của bị đơn cho ông Huỳnh Văn Minh, qua làm việc ông Minh xác định là do có hùn làm ăn với ông T nhưng ghe bị sự cố trên biển, ông T không có tiền chuộc ghe nên ông Minh có bỏ ra số tiền là 380.000.000 đồng để chuộc ghe về lúc này ông T, Minh, T cả 3 người giáp mặt thống nhất với nhau nên bà T mới ký giấy bán ghe cho ông Minh. Xét thấy, việc hợp đồng mua bán ghe biển giữa nguyên đơn và bị đơn chưa xong thì ông T có quyền yêu cầu bà T thanh toán, hoặc có căn cứ thì khởi kiện bằng một vụ kiện khác, vì trong vụ kiện này ông T chỉ đặt ra chứ không có đơn khởi kiện hay yêu cầu phản tố bà T về việc hợp đồng mua bán ghe, không dự nộp án phí. Hơn nữa việc mua bán ghe biển không liên quan đến vụ kiện do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Sáng T.

Từ những phân tích trên xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T, buộc bị đơn ông Trịnh Sáng T trả cho nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng và tiền lãi là 139.400.000 đồng là phù hợp với các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

[7] *Xét về án phí:* Án phí sơ thẩm có giá ngạch ông Trịnh Sáng T phải nộp 5% trên số tiền phải trả cho bà T. Nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Do nguyên đơn được miễn dự nộp án phí nên không có hoàn lại tiền án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 186, 227, 244, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn ông Trịnh Sáng T phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị T số tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 139.400.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 309.400.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu bốn trăm ngàn)

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả trên số tiền gốc, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch bị đơn ông Trịnh Sáng T phải nộp là 15.470000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung